CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

Ngày 30/09/2025	28,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.8%	**-4.8%**	**31.5%**

DT thuần
Q3/25
465
tỷ VNĐ
QoQ: ▼54.0| -10.5%
YoY: ▲ 49.0| 11.7%

LN thuần
Q3/25
36.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.90| 8.7%
YoY: ▲ 10.7| 41.7%

LN sau thuế
Q3/25
32.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.30| 11.3%
YoY: ▲ 10.6| 48.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.9%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM)
Q3/25
31.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

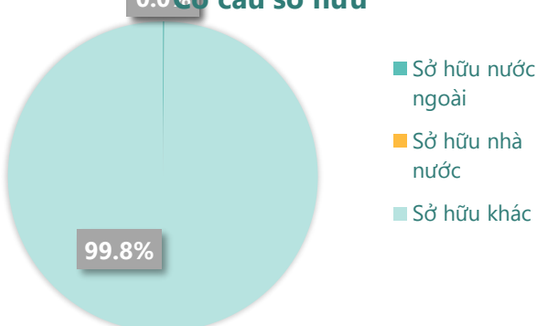
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,560 - 31,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	574
Số lượng CPLH (CP)	20,503,708
KLGD BQ 20 phiên (CP)	111,215
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.29
EPS	5,255
P/E	5.3

DT thuần
9T 2025
1,451
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 337| 30.3%

LN thuần
9T 2025
114
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 45.4| 66.3%

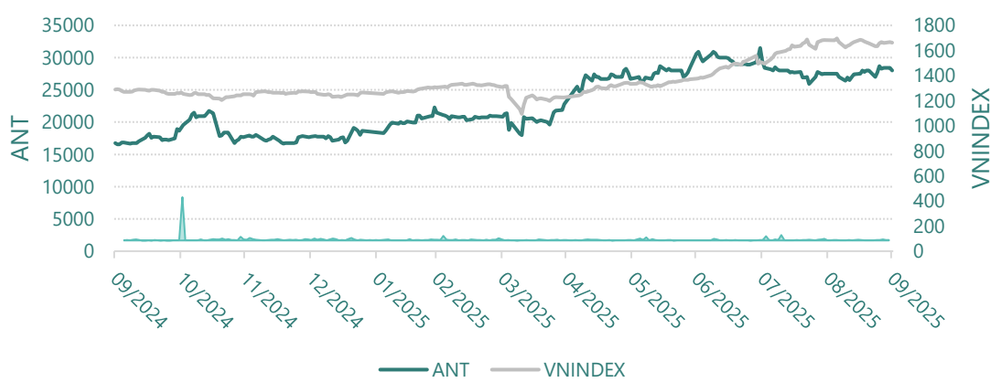
LN sau thuế
9T 2025
100
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.4| 71.0%

Cơ cấu sở hữu

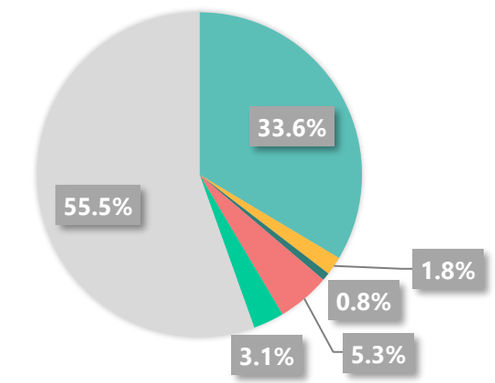


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



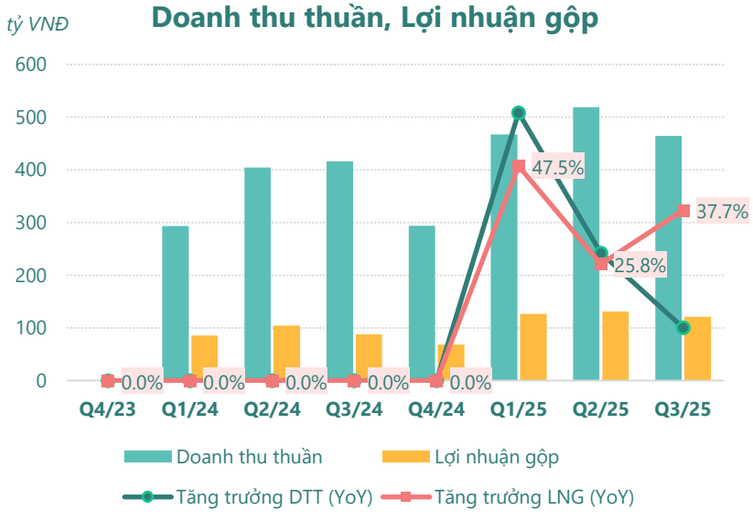
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

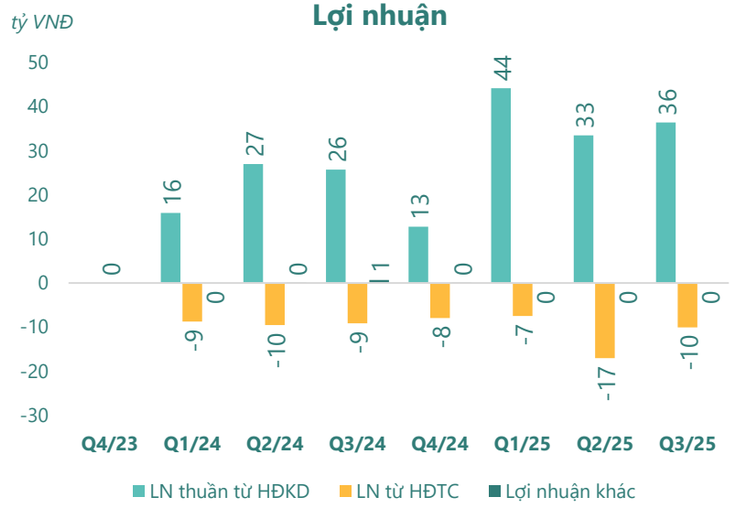
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



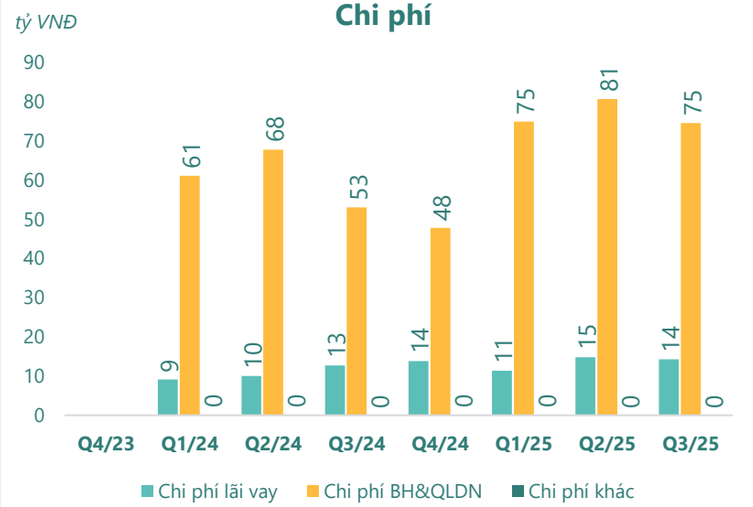
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



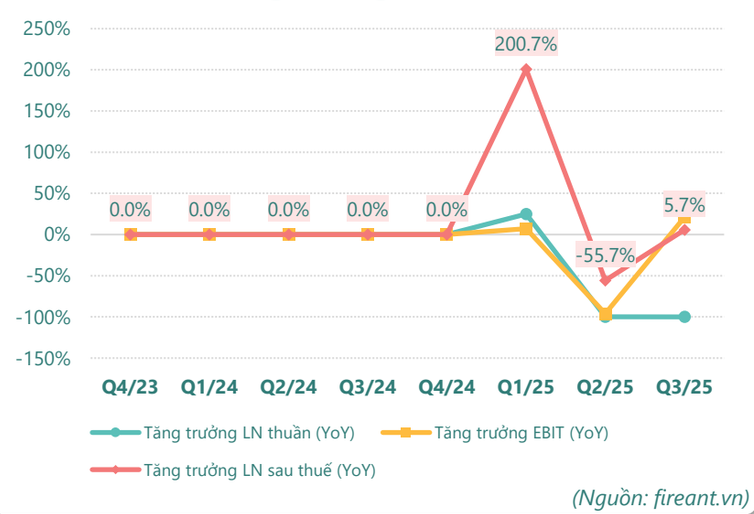
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



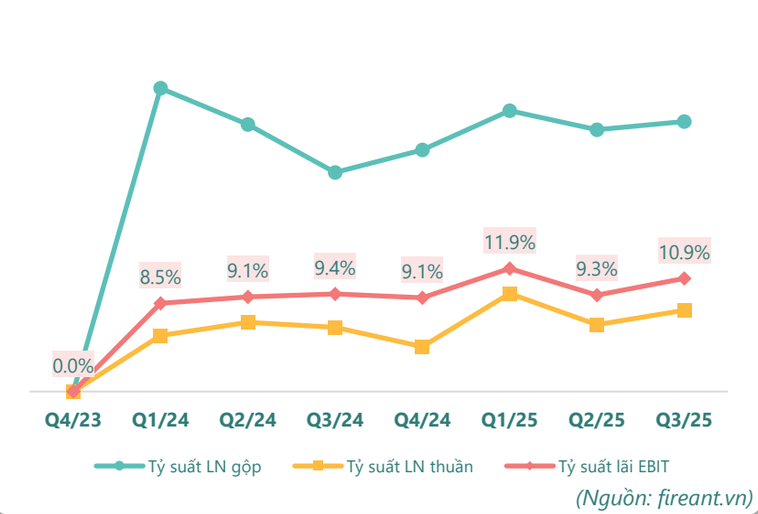
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



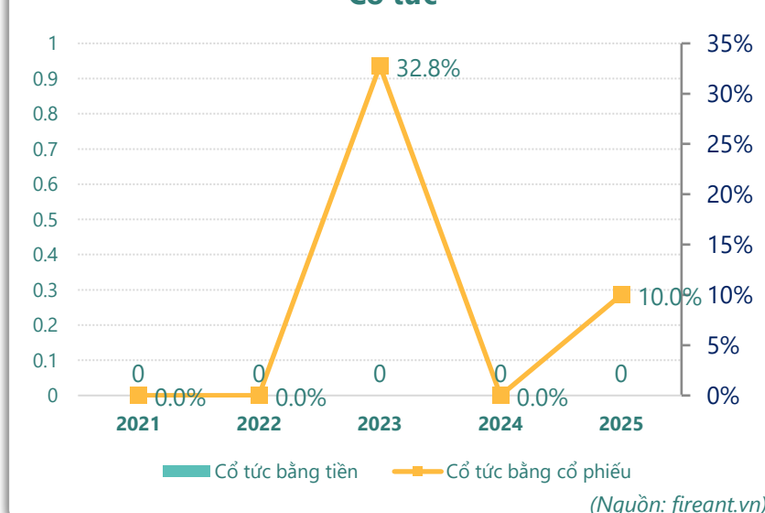
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

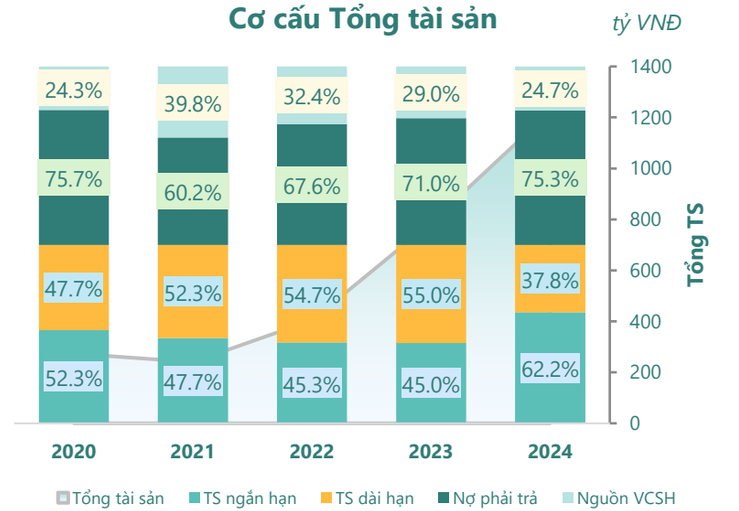
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

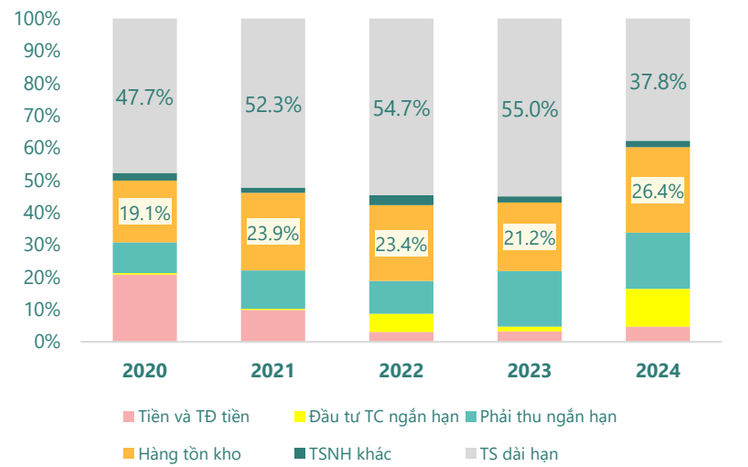
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



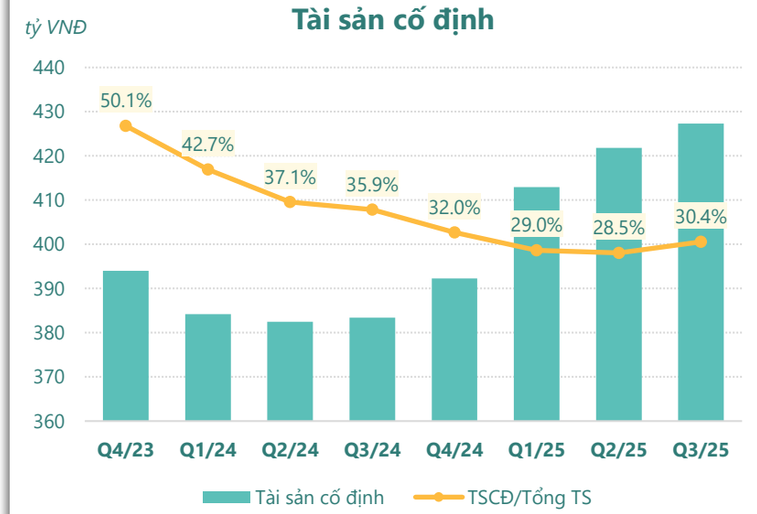
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



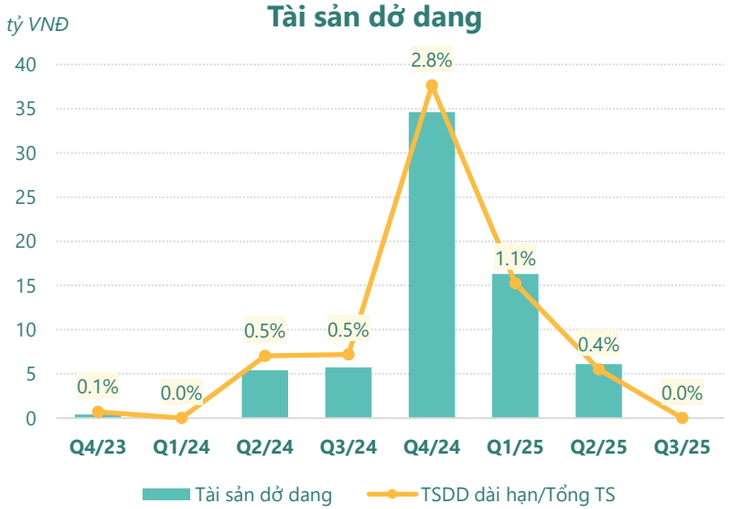
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



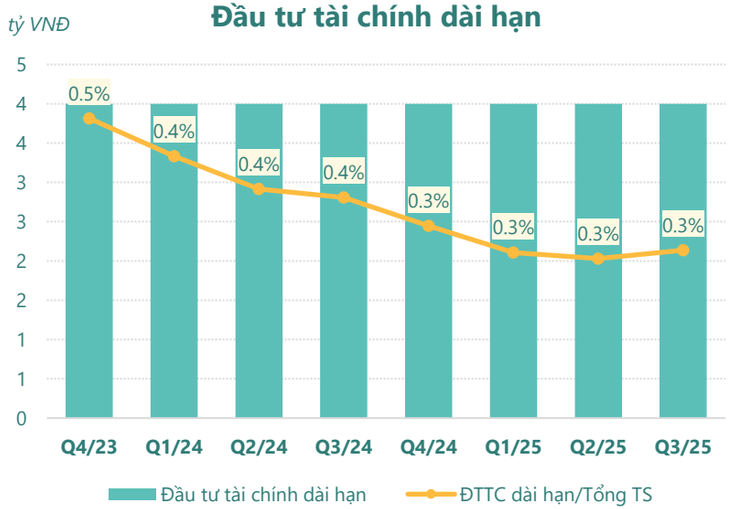
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



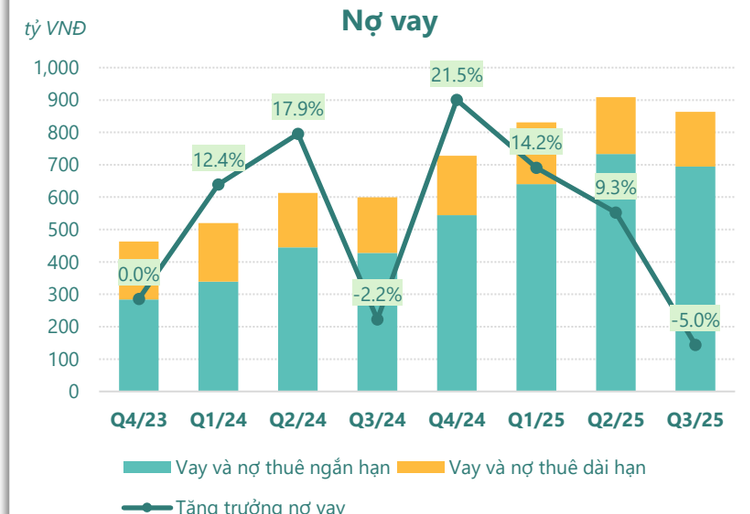
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

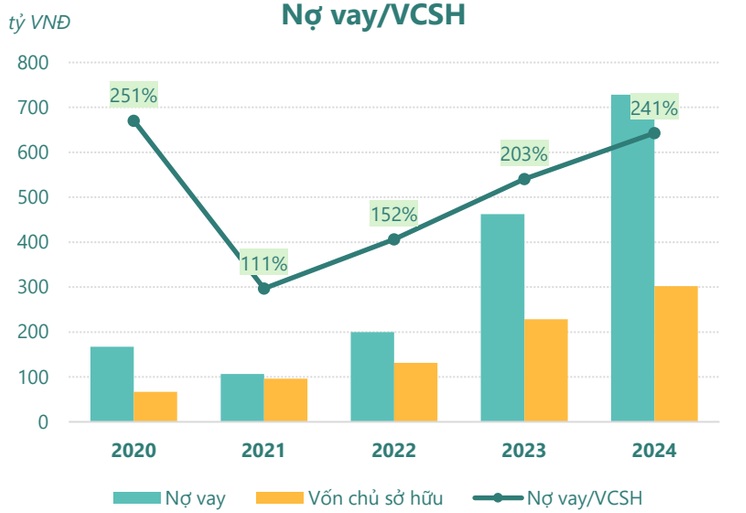
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

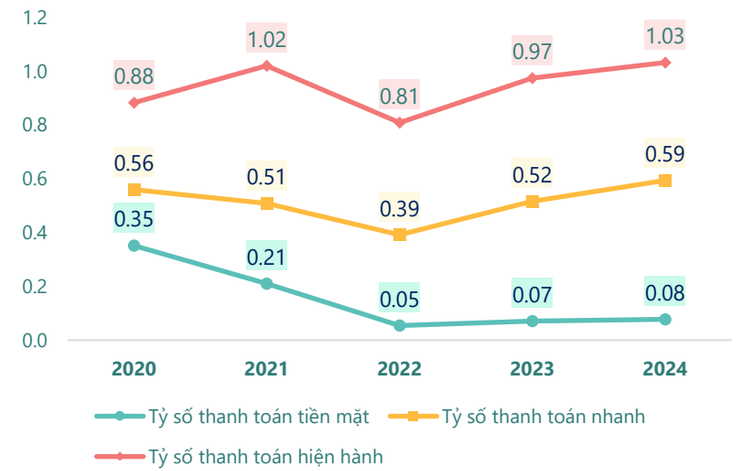
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



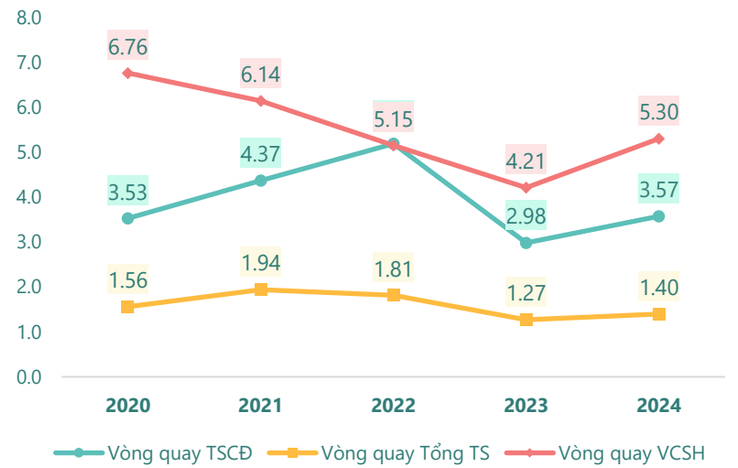
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



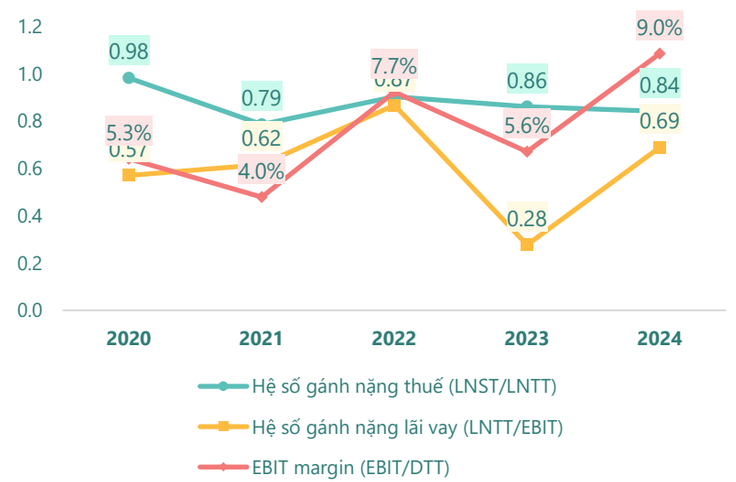
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



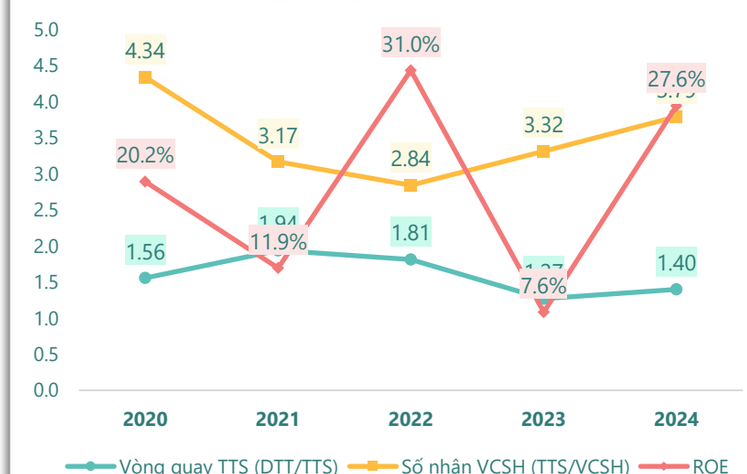
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



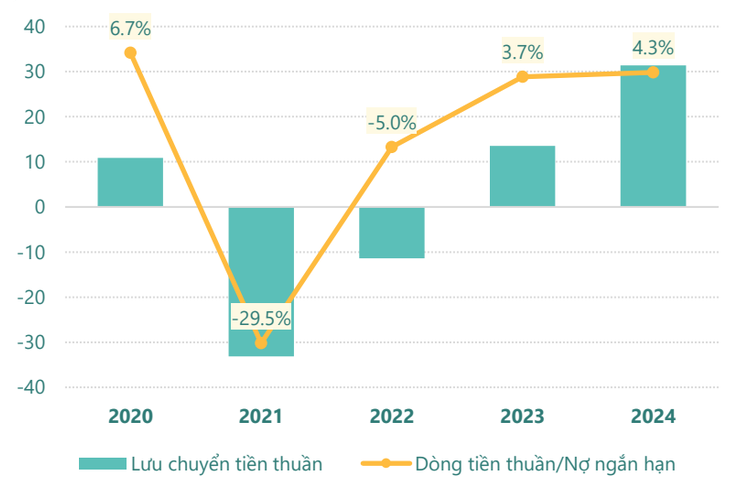
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**465**	**416**	**11.7%**	**1,451**	**1,114**	**30.3%**
Giá vốn hàng bán	344	328	4.8%	1,072	836	28.3%
Lợi nhuận gộp	121	87.9	37.7%	379	278	36.3%
Doanh thu HĐTC	8.19	7.14	14.8%	22.8	17.8	27.9%
Chi phí TC	18.2	16.3	12.0%	57.3	45.2	26.7%
Chi phí lãi vay	14.3	12.7	12.5%	40.4	31.9	26.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	54.3	35.9	51.3%	129	118	9.6%
Chi phí QLDN	**20.2**	**17.1**	**18.3%**	**101**	**64.1**	**57.7%**
LN thuần từ HĐKD	36.4	25.7	41.7%	114	68.6	66.3%
Lợi nhuận khác	**-0.06**	**0.67**	**-110%**	**-0.14**	**0.60**	**-123%**
LN trước thuế	36.4	26.4	37.7%	114	69.2	64.6%
Lợi nhuận sau thuế	**32.4**	**21.8**	**48.6%**	**100**	**58.6**	**71.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**33.2**	**22.6**	**46.7%**	**96.5**	**57.3**	**68.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.5	68.3	15.6	-69.6	-24.7	328
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.5	-64.7	-99.6	-87.2	-46.1	-30.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	80.7	-21.8	128	106	71.6	-45.0
Tiền đầu kỳ	22.9	31.6	13.3	57.2	6.00	6.79
Lưu chuyển tiền thuần	**8.69**	**-18.3**	**43.9**	**-51.2**	**0.78**	**252**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0.01	-0.01
Tiền cuối kỳ	31.6	13.3	57.2	6.00	6.79	259

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,405**	**1,224**	**14.8%**
Tài sản ngắn hạn	936	760	23.1%
Tiền và tương đương tiền	259	57.2	352%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	262	144	82.5%
Phải thu ngắn hạn	150	213	-29.5%
Hàng tồn kho	224	323	-30.5%
Tài sản ngắn hạn khác	40.4	23.9	68.7%
Tài sản dài hạn	**469**	**463**	**1.4%**
Phải thu dài hạn	7.00	6.96	0.6%
Tài sản cố định	427	392	8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	34.6	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.00	4.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**25.1**	**18.7**	**34.3%**
Lợi thế thương mại	5.99	6.57	-8.9%
Nợ phải trả	1,001	922	8.6%
Nợ ngắn hạn	**829**	**737**	**12.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	694	546	27.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	54.4	70.2	-22.5%
Nợ dài hạn	172	185	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	169	182	-6.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**404**	**302**	**33.8%**
Vốn chủ sở hữu	**404**	**302**	**33.8%**
Vốn điều lệ	205	184	11.4%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)